TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 196/ HSST
Ngày 16/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Trần Tiến Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyến

Bà Hoàng Thị Cát Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Chị Quân Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tuấn Anh- Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 183/2022/TLST-HS ngày 7 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2022/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Tuyết L. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1978 tại Đồng Nai, Nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Công nhân, trình độ học vấn: Lớp 7/12, con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Trần Thị U, sinh năm: 1956 (sống).

Bị cáo chưa có chồng, con.
Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2022

2. Đỗ Thị Thanh T. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1984 tại Bình Thuận; nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Công nhân, trình độ học vấn: Lớp 7/12, con ông Đỗ Hữu T (chết) và bà Trương Thị C, sinh năm: 1952 (sống)

Bị cáo có chồng tên Nguyễn Viết P, sinh năm 1984 và có 01 con tên Nguyễn Đăng K, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2022

3. Nguyễn Viết P. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1984 tại Đồng Nai, nơi cư trú: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Làm nông, trình độ học vấn: Lớp 7/12, con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Trần Thị U, sinh năm: 1956 (sống), có vợ tên Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1984 và có 01 con tên Nguyễn Đăng K, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không

Bị tạm giữ từ ngày 15/6/2022, đến ngày 24/6/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm khỏi đi nơi cư trú.

+ *Người bị hại:* Lê Thị N, sinh năm 2000 (VM)
Nơi cư trú: Ấp Phú Thượng 3, xã K, huyện C, tỉnh An Giang

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1974 (có mặt), Trú tại: Ấp Phú Thượng 3, xã K, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắc như sau:

Vào lúc 06 giờ ngày 13/6/2022, Nguyễn Thị Tuyết L cùng em dâu là Đỗ Thị Thanh T đến phòng trọ của chị Lê Thị N tại ấp T, xã V, huyện N để đòi nợ. Khi đến nơi, T đứng bên ngoài đường hẻm, cách phòng trọ của N khoảng 15m đợi còn L đi bộ vào phòng trọ của N để nói chuyện. Khi gặp nhau, giữa L và N xảy ra tranh cãi nên L lấy 01 cây chổi có sẵn bên trong phòng trọ đánh vào tay, chân N nhiều cái. Sau đó, L định lên gác tìm để lấy điện thoại của N nhưng bị N ôm L lại thì L lấy 01 con dao Thái Lan, màu vàng có sẵn trong túi quần ra và nói: "Mày buông tao ra, không tao đâm mày" nhưng N không buông nên L và N ôm vật nhau dưới nền phòng trọ. Thì con dao rơi ra ngoài. Lúc này, L thấy T đi bộ vào nên nói T lên gác phòng trọ lấy chiếc điện thoại di động của N. T đi lên gác lấy được chiếc điện thoại hiệu Oppo, màu đen của N, T đưa cho L cất giữ và cả hai đi về nhà.

Đến 11 giờ cùng ngày, sau khi nghe được thông tin N dọn phòng trọ chuyển đi nơi khác. L về nhà và nhờ em trai của mình là Nguyễn Viết P đi cùng đến phòng trọ của N để lấy xe mô tô của N thì P đồng ý. Khi đến phòng trọ, L gặp N và nói: "Mày định bỏ trốn phải không, bỏ trốn thì đưa xe cho tao, khi nào có tiền trả tao thì lấy xe về". Đồng thời, L kêu P: "đi vào lấy xe cho chị" nên P đi vào phòng trọ, dắt chiếc xe mô tô biển số 67L2-085.89 ra ngoài giao cho L dắt về nhà cất giữ. Sau khi sự việc xảy ra, N làm đơn trình báo gửi đến Công an xã V, huyện N lập hồ sơ. Đến ngày 14/6/2022, L, T và P đến Công an xã V đầu thú. Công an xã V chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen-đỏ, biển số 67L2-085.89
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen

Đối với con dao Thái Lan dài khoảng 20cm, cán màu vàng L khai sau khi gây án đã đánh rơi tại hiện trường. Cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không thấy nên không thu giữ được.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KLĐG-HĐĐG ngày 17/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện N kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen - đỏ, biển số: 67L2-085.89, giá trị sử dụng còn lại 50% trị giá 20.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh-đen, giá trị sử dụng còn lại 60% trị giá 5.040.000 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá 25.040.000 đồng.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô Honda Vision màu đen, biển số 67L2-085.89, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại chủ sở hữu bà Huỳnh Thị H.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn đã trả lại tài sản cho Lê Thị N.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết .

Tại Bản cáo trạng số: 168/CT.VKS.KSHS ngày 30/9/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo:

+ Nguyễn Thị Tuyết L về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

+ Đỗ Thị Thanh T về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

+ Nguyễn Viết P về tội "Cưỡng đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát: giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Viết P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt và tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Đỗ Thị Thanh T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú, có nhân thân tốt, có cha ruột là thương binh và được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Áp dụng hình phạt đối với các bị cáo:

- Nguyễn Thị Tuyết L từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội " Cưỡng đoạt tài sản".

- Đỗ Thị Thanh T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

- Nguyễn Viết P từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội " Cưỡng đoạt tài sản".

Ý kiến người bị hại (tại hồ sơ): Đề nghị xem xét giảm nhẹ cho 2 bị cáo. Về dân sự đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường.

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tài sản đã nhận lại xong và không có yêu cầu bồi thường, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra huyện N, điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên huyện N trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội:

Giữa Nguyễn Thị Tuyết L và Lê Thị N có quan hệ vay nợ và góp hụi, chị N còn nợ L khoản tiền nhưng không trả, mục đích của L đến nhà trọ gặp N để đòi nợ, khi đi có đem theo một con dao Thái Lan, màu vàng để trong túi quần với ý định đến công ty nơi làm việc gọt trái cây và kêu em dâu là Đỗ Thị Thanh T cùng đi. Đến nơi, L vào phòng trọ của N đòi nợ nhưng N không có tiền trả dẫn đến mâu thuẫn lớn tiếng, L dùng cây chổi cỏ quét nhà đánh N và có nảy sinh ý định lấy điện thoại của N trên gác nhưng bị N ngăn cản ôm người L thì L sử dụng con dao đem theo đe dọa sẽ đâm và N ôm L vật nhau dưới nền phòng trọ thì con dao rơi ra ngoài. Từ bên ngoài T nghe tiếng cãi vã nên đã đi vào phòng thì L kêu T lên gác phòng trọ lấy chiếc điện thoại di động của N. T đi lên gác lấy được chiếc điện thoại hiệu Oppo, màu đen của N đưa cho L cất giữ .

Đến 11 giờ cùng ngày, sau khi nghe được thông tin N dọn phòng trọ chuyển đi nơi khác. L về nhà và nhờ em trai của mình là Nguyễn Viết P đi cùng đến phòng trọ của N để lấy xe mô tô của N thì P đồng ý. Khi đến phòng trọ, L gặp N và nói: " Mày định bỏ trốn phải không, bỏ trốn thì đưa xe cho tao, khi nào có tiền trả tao thì lấy xe về ". Đồng thời, L kêu

P: đi vào lấy xe cho chị" nên P đi vào phòng trọ, dắt chiếc xe mô tô biển số 67L2-085.89 ra ngoài giao cho L cất giữ.

Tổng giá trị tài sản định giá 25.040.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Tại các lời khai ban đầu khi đầu thú và các lời khai tại cơ quan điều tra của các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản người bị hại không tự nguyện

giao tài sản mà các bị cáo đã đánh đập và có sử dụng dao lời nói đe dọa sẽ đâm nếu ngăn cản các bị cáo lấy điện thoại, từ các các hành vi dùng vũ lực làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nên đã chiếm đoạt tài sản, mặc dù trước đây bị hại có thiếu nợ bị cáo L, phương pháp sử dụng bạo lực bị pháp luật cấm và được xem là tội phạm.

Xét có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L phạm tội: " Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội " Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; Đỗ Thị Thanh T phạm tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Viết P phạm tội " Cưỡng đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp nghiêm trọng, phạm tội do cố ý và nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác, táo bạo công khai xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội địa phương, do đó cần phải được xử nghiêm cách ly ra khỏi đời sống xã hội.

[4] Xét vai trò của các bị cáo:

Đối với bị cáo L là người trực tiếp đề xuất rủ rê và yêu cầu 2 bị cáo T và P lấy tài sản của bị hại giao cho bị báo chiếm giữ trái pháp luật nên với vai trò chủ mưu và trực tiếp đánh, khống chế và dùng dao đe dọa người bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, phạm nhiều tội. Do đó hình phạt áp dụng cao hơn so với các bị cáo khác.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ:

- Bị hại có đơn xin không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt và tự nguyện ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Đỗ Thị Thanh T phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức đối với hành vi cướp tài sản, không có tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện ra đầu thú, có nhân thân tốt, có cha ruột là thương binh và được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai

trò không đáng kể. Áp dụng khoản 2 Điều 54 BLHS cho bị cáo mức án dưới khung hình phạt.

Nguyễn Viết P phạm tội lần đầu với vai trò đồng phạm giúp sức đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản, tình tiết tăng nặng không có, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt và tự nguyện ra đầu thú vai trò không đáng kể, không

có án tích nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nơi cư trú rõ ràng ổn định, có khả năng tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo P và T là vợ chồng đang nuôi con nhỏ. Áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng Điều luật và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và tội "Cưỡng đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự;

+ Đỗ Thị Thanh T về tội "Cướp tài sản", quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

+ Nguyễn Viết P về tội "Cưỡng đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự; Xét đề nghị là phù hợp cần chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường nên không xét.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Vật chứng đã xử lý theo quy định pháp luật.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 170; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L, phạm tội: "cướp tài sản" "Cưỡng đoạt tài sản"; Đỗ Thị Thanh T phạm tội: "cướp tài sản"; Nguyễn Viết P phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ điểm điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 54, 55, 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L **05** (năm năm) **năm** tù về tội "Cướp tài sản"; **01**(Một) **năm** tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo L chấp hành hình phạt chung là: **06** (sáu) **năm** tù. Thời hạn tính từ ngày 15/6/2022.

Căn cứ điểm điểm d khoản 2 Điều 168 điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 BLHS

Xử phạt: bị cáo Đỗ Thị Thanh T **03** (Ba) **năm** tù; Thời hạn tính từ ngày 15/6/2022.

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Viết P **01**(Một) **năm** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Viết P cho UBND xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo ".

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết L, Đỗ Thị Thanh T, Nguyễn Viết P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TA tỉnh ĐN;
- VKS, CA,THA cùng cấp;
- Bị cáo
- Bị hại
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Tiến Nghĩa